

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI (1986-2001)

DƯƠNG MINH HUỆ*

Năm vững xu thế vận động của tình hình thế giới và thực tiễn đất nước, trong những năm đổi mới Đảng ta từng bước điều chỉnh, hoàn thiện đường lối đối ngoại nhằm tranh thủ tối đa những điều kiện quốc tế thuận lợi, kết hợp ở mức cao nhất sức mạnh trong nước và quốc tế, đưa đất nước tiến lên.

Trước sự phát triển mới của tình hình trong nước và quốc tế, Nghị quyết số 32 của Bộ chính trị (tháng 7 - 1986) *Về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng ta* đã nhấn mạnh, cần chủ động chuyển sang thời kỳ cùng tồn tại hoà bình, góp phần giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên toàn thế giới.

Đại hội VI của Đảng (12-1986) đề ra đường lối đối ngoại rộng mở, xác định nhiệm vụ hàng đầu là *"tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội"*¹. Đảng ta chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình và hữu nghị; ủng hộ chính sách cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, loại trừ chiến tranh xâm lược và

mọi hình thức của chủ nghĩa khủng bố. Đại hội nhấn mạnh phương châm "thêm bạn bớt thù", ra sức phấn đấu tạo dựng môi trường quốc tế hoà bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới đất nước. Trong chính sách đối ngoại, giải quyết mối quan hệ với các nước và khu vực. Đảng ta xác định: tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại; Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc nhằm bình thường hoá quan hệ giữa hai nước; bàn bạc với Mỹ giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ; tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia.

Nghị quyết 13 của BCT (5-1988) *Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới* đã xác định quan điểm trong quan hệ quốc tế của Đảng là ra sức tranh thủ các nước anh em bầu bạn và dư luận rộng rãi trên thế giới, làm thất bại âm mưu bao vây, cô lập ta về kinh tế, chính trị; chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình. Nghị quyết nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động đối ngoại là phục vụ ổn định chính trị, ưu tiên phát triển kinh tế là hàng đầu; nêu rõ các chủ trương giải quyết vấn đề Campuchia, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, cải thiện quan hệ với ASEAN, mở rộng quan hệ với các

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

nước Tây, Bắc Âu và Nhật Bản, từng bước bình thường hoá quan hệ với Mỹ...

Tiếp đó, NQTƯ 6 Khoá VI (3 - 1989) xác định "*chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị - kinh tế*"².

Đầu thập kỷ 90 tình hình thế giới chuyển biến nhanh chóng, phức tạp. Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu sụp đổ, tác động tiêu cực tới Việt Nam. Các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá nhằm xoá bỏ hoàn toàn CNXH trên thế giới. Tuy vậy, trên thế giới xu thế hợp tác, liên kết kinh tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế ngày càng phát triển mạnh.

Xuất phát từ tình hình trên, Đại hội VII của Đảng (6 - 1991) đã xác định nhiệm vụ đối ngoại là "giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc"³. Từ quan điểm ủng hộ chính sách cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, Đại hội VII đã phát triển chủ trương "thêm bạn bớt thù" của Đại hội VI thành "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"⁴. Nghị quyết Đại hội VII và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* để ra chính sách đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Nhiệm vụ đối ngoại là: "Cần nhạy bén nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế, sự phát triển mạnh của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hoá của nền

kinh tế thế giới để có những chủ trương đối ngoại phù hợp"⁵. Đây là bước phát triển mới trong nhận thức chính sách đối ngoại của Đảng trước những biến đổi của tình hình thế giới.

HNTƯ 3 Khoá VII (6 - 1992) đã cụ thể hoá nhiệm vụ đối ngoại của Đại hội VII, xác định mục tiêu, tư tưởng chỉ đạo hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam là giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và CNXH, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh của nước ta, cũng như diễn biến tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có quan hệ. Hội nghị đề ra *bốn phương châm* xử lý các vấn đề quốc tế là: bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại; nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; tham gia hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Tiếp đó, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khoá VII (1-1994) nhấn mạnh về yêu cầu vận dụng đúng đắn, linh hoạt bốn phương châm xử lý các quan hệ quốc tế do HNTƯ 3 Khoá VII đề ra và xác định: "Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế tối đa mặt bất đồng" trong quan hệ với các nước, song "phải thấy rõ khó khăn và thách thức cũng như thuận lợi và cơ hội của nước ta, theo dõi sát diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế để có chủ trương thích hợp, giữ vững nguyên tắc năng động, linh hoạt"⁶.

Đại hội VIII của Đảng khẳng định chủ

tương mở rộng quan hệ đối ngoại: "Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"⁷. Về quan hệ đối ngoại với các đối tác cụ thể, Đại hội chủ trương: "Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ la tinh, với phong trào không liên kết"⁸.

Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội IX chủ trương tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập khu vực và thế giới, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, làm tiền đề để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Điểm mới trong chủ trương đối ngoại của Đảng ở Đại hội IX là, nhấn mạnh vấn đề chủ yếu và trước hết của hội nhập khu vực, quốc tế là hội nhập kinh tế. Đại hội IX phát triển phương châm của Đại hội VIII thành "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"⁹. Đây là bước phát triển mới về tư duy đối ngoại của Đảng, đồng thời khẳng định vị thế mới của nước ta

trong quan hệ quốc tế.

Thực hiện thành công đường lối đối ngoại rộng mở của Đảng, đất nước ta đã thoát khỏi thế bị bao vây, cấm vận; bình thường hoá quan hệ với các nước lớn, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế. Từ chỗ bị bao vây cô lập, đến năm 2001, Việt Nam đã quan hệ với 167 nước, mở rộng quan hệ thương mại với gần 200 nước.

Tháng 11 - 1991, Việt Nam - Trung Quốc bình thường hoá quan hệ, từng bước xây dựng quan hệ hữu nghị và tin cậy lẫn nhau theo phương châm 16 chữ: "*Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*". Cùng với sự phát triển của quan hệ chính trị, quan hệ kinh tế thương mại Việt - Trung đạt nhiều thành tựu quan trọng. Chính phủ hai nước đã ký hiệp định về kinh tế thương mại hoặc có liên quan đến kinh tế thương mại, trong đó có những hiệp định quan trọng như: *Hiệp ước biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ*.

Ngày 27 - 7 - 1992, Việt Nam tham gia ký *Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á*, trở thành quan sát viên của ASEAN. Ba năm sau, ngày 28-7-1995, Việt nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN. Đến năm 2000, Việt Nam đã ký các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với hầu hết các nước ASEAN. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam - ASEAN ngày càng phát triển. Tính đến tháng 4 - 2001, các doanh nghiệp của các nước Xingapo, Thái Lan, Malaixia, Philippin, Ấnđônêxia đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam 9,1 tỷ USD, trong đó Xingapo là bạn hàng lớn nhất¹⁰.

Tháng 7 - 1995, Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hoá quan hệ. Kể từ đó, quan hệ kinh tế thương mại giữa 2 nước phát triển. Tháng 7 -

2000, Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ được ký kết, hoàn tất quá trình bình thường hoá về kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Quan hệ giữa Việt Nam với Nga, các nước Đông Âu và bạn bè truyền thống ngày càng được củng cố. Liên bang Nga vẫn là bạn hàng lớn tiềm năng của Việt Nam. Năm 2000, Nga đã đầu tư vào Việt Nam 1,6 tỷ USD, đứng thứ tám trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam - Đông Âu ở mức 500 triệu USD/ năm.

Tháng 11 - 1992, Nhật Bản tuyên bố chính thức nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam. Từ 1992 - 2000, tổng số vốn ODA Nhật Bản dành cho Việt Nam là 752,4 tỷ yên. Tính đến tháng 4 - 2001, các công ty Nhật Bản đã có 305 dự án được cấp phép hoạt động với tổng số vốn đầu tư 3,88 tỷ USD, đứng thứ ba sau Xingapo và Đài Loan.

Quan hệ thương mại Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) không ngừng phát triển. Tháng 7 - 1995, Hiệp định khung hợp tác giữa Việt Nam với EU được ký kết. Năm 2000 tổng kim ngạch buôn bán hai chiều Việt Nam - EU đạt 5 tỷ USD¹¹.

Việt Nam không ngừng mở rộng ngoại giao đa phương, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia nhiều diễn đàn khu vực hoặc châu lục quan trọng: là thành viên sáng lập của diễn đàn khu vực ASEAN - ARF (1994), thành viên Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), 1998. Năm 1993, Việt Nam đã khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Hiện đang đẩy mạnh các hoạt động để gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Đến năm 2001, Việt Nam đã có quan hệ với 480 tổ chức phi chính phủ, trong đó có gần 350 tổ chức có dự án và chương trình hợp tác ở Việt Nam.

Về quan hệ Đảng, ĐCS Việt Nam có quan hệ và tiếp xúc với 212 đảng, tổ chức và phong trào chính trị thuộc nhiều nước trên thế giới.

Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu trước mắt và lâu dài của dân tộc, đánh giá đúng thế và lực của đất nước, phân tích và dự báo diễn biến tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta đã thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn, phù hợp, thu được kết quả quan trọng, đẩy lùi sự bao vây cấm vận, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, H, 1987, tr.99

2. ĐCS Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương (Khoá VI)*, H, 1989, tr.40

3, 4, 5. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr.88, 147, 88

6. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khoá VII*, lưu hành nội bộ, 11 - 1994, tr.55, 56

7, 8. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr.120, 121

9. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr.119

10. Báo Việt Nam Investment Review, ngày 13 - 5 - 2001

11. *Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 6 (35), 12 - 2001, tr.54.